

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 318/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06/9/2022.

Về việc: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Công Uẩn

2. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 882/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 275/2022/QĐXX-ST ngày 26 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 359/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16/8/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy Tr, sinh năm 1995

HKTT: Khu phố 8, thị trấn TN, huyện HT, tỉnh Bình Thuận.

Địa chỉ liên lạc: Ấp 2, xã T, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Lâm Th, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: số nhà 134, Khu phố 1, phường An Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(Bà Tr có đơn xin vắng mặt; ông Th vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, chị Nguyễn Thị Thùy Tr trình bày:*

Chị và anh Lâm Th tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2017 tại UBND phường AH, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 124 ngày 130/10/2017). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được nửa năm, đến khoảng giữa năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Th không chịu đi làm, bản thân còn sử dụng ma túy, đã nhiều lần chị khuyên bảo nhưng anh vẫn không nghe và ngày càng lún sâu hơn, việc sống chung không thể kéo dài và trên thực tế chị và anh Th đã sống ly thân với nhau từ 2018 đến nay. Nhận thấy, anh Th không có sự thay đổi và không có khả năng hàn gắn, vì vậy chị Tr yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Th.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ Th báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đối với bị đơn; Th báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Th báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc, không có văn bản gửi Tòa án trình bày ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, anh Lâm Th vẫn vắng mặt.

** Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu:*

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã thực hiện đúng.

Việc tuân theo pháp luật của các bên đương sự: nguyên đơn thực hiện đúng; bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo pháp luật tố tụng dân sự quy định.

+ Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Tr là có cơ sở, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tr, giải quyết cho chị Tr được ly hôn với anh Th.

Về con chung: Không có, nên không xen xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Theo chị Tr khai không có, tuy nhiên do anh Th vắng mặt và không có lời khai, đề nghị Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về án phí HNGĐ-ST: Chị Tr phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Xét thấy bị đơn anh Lâm Th, cư trú tại địa chỉ: 134, Khu phố 1, phường AH, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Đối với nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thuỳ Tr đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn anh Lâm Th mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ xét xử đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Tr và anh Th tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường AH, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 124 ngày 130/10/2017). Căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, chị Tr nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với anh Th, theo chị Tr trình bày nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn do anh Th không chịu đi làm nhưng lại sử dụng chất ma túy, mặc dù đã nhiều lần chị khuyên bảo, tạo cơ hội để anh Th thay đổi nhưng anh Th vẫn không từ bỏ ma túy, khiến cho cuộc sống hôn nhân của vợ chồng trở lên mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không thể hoà hợp, việc sống chung không thể kéo dài và trên thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ 2018 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn với nhau.

Qua xác minh về việc mâu thuẫn vợ chồng tại địa phương nơi cư trú của anh Th mặc dù địa phương không nắm rõ mâu thuẫn của vợ chồng, nhưng thực tế hiện nay thì vợ chồng chị Tr và anh Th đã không còn chung sống với nhau. Từ đó có thể thấy rằng nguyên nhân và lý do và chị Tr yêu cầu được ly hôn với anh Th là có cơ sở. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Th vẫn vắng mặt không lý do, chứng tỏ anh Th đã tự bỏ mặc tình trạng hôn nhân của mình. Từ đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tr, giải quyết cho chị Tr được ly hôn với anh Th để trả tự do cho cả hai người.

[4] Về con chung: Không có, nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Theo chị Tr khai không có, tuy nhiên do anh Th vắng mặt và không có lời khai, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Thuỳ Tr phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 266, 271, 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu “Ly hôn” của chị Nguyễn Thị Thuỳ Tr.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thuỳ Tr được ly hôn với anh Lâm Th.

2. Về con chung: Không có, nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thuỳ Tr phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, theo biên lai thu số 0001985 ngày 25/3/2022.

5. Chị Nguyễn Thị Thuỳ Tr và anh Lâm Th được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND TP Biên Hòa (1);
- THADS TP Biên Hòa (1);
- UBND **P. AH, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai** (1);
- Dương sự (2);
- Lưu hồ sơ vụ án (1);
- Lưu VP (1).

(đã ký)

Trần Văn Hùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA